



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ
THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000042 ngày 01 tháng 09 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09 tháng 04 năm 2009 với số đăng ký kinh doanh mới là 3400393632. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là 18/12/2008.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2010: 11.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác (sách giáo khoa);
- Bán buôn thiết bị khác (thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm);
- Sản xuất thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in (phát hành các loại ấn phẩm);
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác (đầu tư vốn hoạt động tài chính: chứng khoán, cổ phần);
- Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan (tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng).

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 062 3816118
- Fax: (84) 062 3817595

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 50 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Nguyễn Văn So | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Nguyễn Văn Thành | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Nguyễn Văn Hiến | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Trần Ngọc Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Bùi Đình Thiện | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Nguyễn Đức Thành | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Nguyễn Minh Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|-------------------|--|
| • Ông Nguyễn Văn So | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Nguyễn Minh Hà | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 12/03/2010 |
| • Ông Nguyễn Văn Thành | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 10/11/2004
Miễn nhiệm ngày 01/04/2010 |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Phụ trách kế toán | Bổ nhiệm ngày 01/04/2010 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Văn So

Bình Thuận, ngày 11 tháng 8 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1281 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 11/8/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 21. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Phan Xuân Vạn

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0102/KTV

Trần Thị Thu Hiền

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2010

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.578.863.568	14.997.259.495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		696.611.267	1.860.847.015
1. Tiền	111	5	696.611.267	1.860.847.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.869.251.890	4.961.029.990
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	4.869.251.890	4.961.029.990
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.529.371.729	4.428.884.661
1. Phải thu khách hàng	131		7.492.785.654	4.302.704.569
2. Trả trước cho người bán	132		13.559.388	11.390.100
3. Các khoản phải thu khác	135		23.026.687	114.789.992
IV. Hàng tồn kho	140		4.912.543.069	3.447.372.691
1. Hàng tồn kho	141	7	4.912.543.069	3.447.372.691
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		571.085.613	299.125.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	33.682.596	35.506.921
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	537.403.017	263.618.217
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.855.888.002	2.716.759.609
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.478.330.722	1.573.962.158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.478.330.722	1.573.962.158
- Nguyên giá	222		3.659.490.556	3.634.739.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.181.159.834)	(2.060.776.969)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.226.738.400	1.039.240.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.226.738.400	1.039.240.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		150.818.880	103.557.451
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	150.818.880	103.557.451
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.434.751.570	17.714.019.104

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.855.490.143	5.800.463.652
I. Nợ ngắn hạn	310		8.824.230.158	5.766.125.667
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	1.657.208.687	979.614.300
2. Phải trả người bán	312		6.882.784.779	3.746.974.332
3. Người mua trả tiền trước	313		-	12.282.287
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	233.140.934	78.312.159
5. Phải trả người lao động	315		1.641.650	201.205.662
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	49.454.108	682.264.364
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	65.472.563
II. Nợ dài hạn	330		31.259.985	34.337.985
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		31.259.985	34.337.985
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.579.261.427	11.913.555.452
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.579.261.427	11.913.555.452
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	11.000.000.000	11.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	16	112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	571.517.087	571.517.087
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	223.916.363	223.916.363
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	671.417.966	5.711.991
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.434.751.570	17.714.019.104

Giám đốc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 11 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	17	15.865.120.819	13.162.531.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	238.937.349	194.251.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	17	15.626.183.470	12.968.280.445
4. Giá vốn hàng bán	11	18	13.422.312.608	10.882.665.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		2.203.870.862	2.085.615.105
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	326.601.631	380.587.705
7. Chi phí tài chính	22	20	66.361.955	88.344.876
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.031.633</i>	<i>58.211.366</i>
8. Chi phí bán hàng	24		1.115.646.502	1.051.579.411
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		454.555.162	465.638.272
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		893.908.874	860.640.251
11. Thu nhập khác	31		31.727.279	53.109.196
12. Chi phí khác	32		33.858.671	68.001.385
13. Lợi nhuận khác	40		(2.131.392)	(14.892.189)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	21	891.777.482	845.748.062
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	226.071.507	147.790.731
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	21	665.705.975	697.957.331
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	605	635

Giám đốc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 11 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHI TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	12.891.971.235	9.502.962.964
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(12.360.928.238)	(6.958.875.238)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(829.969.967)	(806.586.100)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(27.031.633)	(58.211.366)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(80.813.011)	(83.558.522)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	349.621.318	794.097.823
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.172.080.570)	(1.432.782.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.229.230.866)	957.046.568
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(613.000.000)	(2.248.081.300)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	517.279.700	217.146.400
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	143.121.031	380.587.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.400.731	(1.650.347.195)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.626.978.287	1.718.547.100
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(949.383.900)	(1.939.295.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(660.000.000)	(1.320.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.594.387	(1.540.748.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.164.235.748)	(2.234.049.027)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.860.847.015	3.942.144.175
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	696.611.267	1.708.095.148

Giám đốc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 11 tháng 8 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 7 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000042 ngày 01 tháng 09 năm 2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09 tháng 04 năm 2009 với số đăng ký kinh doanh mới là 3400393632. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác (sách giáo khoa);
- Bán buôn thiết bị khác (thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm);
- Sản xuất thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in (phát hành các loại ấn phẩm);
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác (đầu tư vốn hoạt động tài chính: chứng khoán, cổ phần);
- Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan (tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	5 – 7

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế Giá trị gia tăng: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	154.970.000	345.561.000
Tiền gửi ngân hàng	541.641.267	1.515.286.015
Cộng	696.611.267	1.860.847.015

6. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Cho vay ngắn hạn		
- Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	3.200.000.000	3.500.000.000
- Doanh nghiệp Hân Hoan	130.000.000	-
- Công ty TNHH Quảng cáo Tấn Tài	150.000.000	-
- Cán bộ công nhân viên	1.389.251.890	1.461.029.990
Cộng	4.869.251.890	4.961.029.990

7. Hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng hóa	4.912.543.069	3.447.372.691
Cộng	4.912.543.069	3.447.372.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí tổ chức hội thi thư viện	33.682.596	35.506.921
Cộng	33.682.596	35.506.921

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	275.944.974	47.728.374
Tài sản thiếu chờ xử lý	10.313.988	10.313.988
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	251.144.055	205.575.855
Cộng	537.403.017	263.618.217

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.159.880.310	995.794.469	479.064.348	3.634.739.127
Tăng trong năm	-	-	24.751.429	24.751.429
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.159.880.310	995.794.469	503.815.777	3.659.490.556
Khấu hao				
Số đầu năm	1.104.480.580	595.388.035	360.908.354	2.060.776.969
Khấu hao trong năm	47.915.370	37.985.815	34.481.680	120.382.865
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.152.395.950	633.373.850	395.390.034	2.181.159.834
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.055.399.730	400.406.434	118.155.994	1.573.962.158
Số cuối năm	1.007.484.360	362.420.619	108.425.743	1.478.330.722

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp cầm cố các khoản vay: 1.478.330.722 đồng.

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 881.226.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư cổ phiếu	904.020.000	904.020.000
- Công ty CP Sách Thiết bị Bình Dương (30.000 CP)	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội (11.474 CP)	124.020.000	124.020.000
- Công ty CP Nước khoáng Vĩnh Hảo (2.000 CP)	480.000.000	480.000.000
Cho vay dài hạn	322.718.400	135.220.000
- Cho cán bộ công nhân viên vay	322.718.400	135.220.000
Cộng	1.226.738.400	1.039.240.000

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được các Báo cáo tài chính của các Công ty được đầu tư. Các cổ phiếu này chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch và Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng. Do đó, các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí sửa chữa nhà sách Trần Hưng Đạo	82.435.263	82.435.263
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	68.383.617	21.122.188
Cộng	150.818.880	103.557.451

13. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	1.657.208.687	979.614.300
- Ngân hàng Công thương Bình Thuận	1.412.083.987	400.000.000
- Vay cán bộ nhân viên trong Công ty	245.124.700	579.614.300
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	1.657.208.687	979.614.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.952.878	2.031.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	215.909.329	70.650.833
Thuế thu nhập cá nhân	1.278.727	5.629.625
Cộng	233.140.934	78.312.159

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	9.955.447	5.965.749
Bảo hiểm xã hội	3.891.721	234.355
Cổ tức phải trả	-	660.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.606.940	16.064.260
Cộng	49.454.108	682.264.364

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2009	11.000.000.000	112.410.011	412.457.242	208.501.696	2.493.309
Tăng trong năm	-	-	159.059.845	15.414.667	1.700.526.594
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.697.307.912
Số dư tại 31/12/2009	11.000.000.000	112.410.011	571.517.087	223.916.363	5.711.991
Số dư tại 01/01/2010	11.000.000.000	112.410.011	571.517.087	223.916.363	5.711.991
Tăng trong năm	-	-	-	-	665.705.975
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2010	11.000.000.000	112.410.011	571.517.087	223.916.363	671.417.966

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vốn đầu tư của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu thường	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu thường	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	5.711.991	2.493.309
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	665.705.975	1.700.526.594
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	-	1.697.307.912
- Thuế TNDN được giảm bổ sung quỹ đầu tư phát triển	-	159.059.845
- Trích dự phòng tài chính	-	15.414.667
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	50.708.350
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	152.125.050
- Chia cổ tức	-	1.320.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	671.417.966	5.711.991

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng doanh thu	15.865.120.819	13.162.531.799
+ Doanh thu bán sách giáo khoa	11.945.997.524	7.657.662.471
+ Doanh thu bán sách tham khảo	856.746.475	649.480.047
+ Doanh thu bán thiết bị giáo dục	1.586.823.669	3.034.734.226
+ Doanh thu bán hàng hóa khác	1.475.553.151	1.811.689.964
+ Doanh thu dịch vụ	-	8.965.091
Các khoản giảm trừ doanh thu	238.937.349	194.251.354
+ Chiết khấu thương mại	147.030.725	148.731.709
+ Hàng bán bị trả lại	91.906.624	45.519.645
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.626.183.470	12.968.280.445

18. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn sách giáo khoa	10.368.980.538	6.553.001.761
Giá vốn sách tham khảo	595.808.182	484.683.331
Giá vốn thiết bị giáo dục	1.272.434.957	2.386.475.912
Giá vốn hàng hóa khác	1.185.088.931	1.458.504.336
Cộng	13.422.312.608	10.882.665.340

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	314.601.631	379.358.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.000.000	1.229.600
Cộng	326.601.631	380.587.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền vay	27.031.633	58.211.366
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	39.330.322	30.133.510
Cộng	66.361.955	88.344.876

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	891.777.482	845.748.062
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	12.508.546	(1.229.600)
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>	<i>24.508.546</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)</i>	<i>12.000.000</i>	<i>1.229.600</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	904.286.028	844.518.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	226.071.507	211.129.616
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo TT03/2009/TT-BTC	-	63.338.885
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	226.071.507	147.790.731
Lợi nhuận sau thuế TNDN	665.705.975	697.957.331

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	665.705.975	697.957.331
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	665.705.975	697.957.331
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	605	635

23. Thông tin về các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
CTy CP Đầu tư – Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Mua hàng		
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa, thiết bị	6.882.573.872
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Sách tham khảo, ấn phẩm giáo dục	182.610.975
Công ty CP Sách -Thiết bị TP.HCM	Sách, thiết bị giáo dục	619.821.660
CTy CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Sách bổ trợ, sách tham khảo	4.259.592.725
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.HCM	Cung ứng Sách giáo khoa	482.758.912
Thu hồi nợ vay		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Thu hồi nợ gốc vay	300.000.000

c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nợ gốc	3.200.000.000	
	Lãi vay	296.536.200	
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM	Phải trả tiền hàng		75.573.832
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.HCM	Phải trả tiền hàng		283.498.985
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải trả tiền hàng		2.964.176.668
Công ty CP Sách -Thiết bị TP.HCM	Phải trả tiền hàng		466.119.760
CTy CP Đầu tư – Phát triển GD Phương Nam	Phải trả tiền hàng		1.703.731.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

25. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Giám đốc

Phụ trách kế toán

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 11 tháng 8 năm 2010